

Phụ lục 17
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT
ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương)
CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
TRICHLOROETHYLENE	

Số CAS: 79-01-6
Số UN: Không có thông tin
Số đăng ký EC: KX4560000
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có):
Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):



I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Trichloroethylene	Mã sản phẩm nếu có
- Tên thương mại: Không có thông tin	
- Tên khác (không là tên khoa học): Không có thông tin	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 Đường HT 31, KP 1, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM ĐT: 08.6683.3399 Fax: 08.6250.7935
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
- Mục đích sử dụng: Dùng làm dung môi tẩy dầu mỡ cho kim loại và dùng trong ngành công nghiệp khác,...	

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Trichloroethylene	79-01-6	C ₂ HCl ₃	100%
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): Không có thông tin.

2. Cảnh báo nguy hiểm:

- Tìm năng cấp tính ảnh hưởng sức khỏe: Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích thích). Giao tiếp bằng mắt (chất kích thích), hít và nuốt phải.
- Tìm năng mãn tính ảnh hưởng sức khỏe:
 - + Ảnh hưởng gây ung thư: Không nghi ngờ cho con người.
 - + Tác dụng gây đột biến gen: Không có sẵn



- + Gây quái thai: Không có sẵn.
- + Phát triển độc tính: Không có sẵn.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Thích thích mắt
- Đường thở: kích ứng đường hô hấp
- Đường da: kích ứng qua da.
- Đường tiêu hóa: Kích ứng đường tiêu hóa.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Rửa ngay với thật nhiều nước trong thời gian 15 phút, giữ cho mí mắt mở. Nước lạnh có thể được sử dụng. Không sử dụng thuốc mỡ mắt. Tìm kiếm chăm sóc y tế.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Sau khi tiếp xúc với da, rửa ngay với thật nhiều nước. Nhẹ nhàng và rửa kỹ vùng da bị nhiễm với nước và xà phòng không mài mòn. Hãy đặc biệt để làm sạch các nếp gấp, đường nứt, nếp nhăn và háng. Che da bị kích thích với một chất làm mềm, Nếu kích thích vẫn còn tìm kiếm chăm sóc y tế. Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Cho phép nạn nhân còn lại trong khu vực thông gió tốt. Tìm kiếm chăm sóc y tế ngay lập tức.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Không gây ói mửa, nói lỏng quần áo như, cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng. Nếu nạn nhân không thở thực hiện miệng to hồi sức. Tìm kiếm chăm sóc y tế ngay lập tức.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có): Điều trị theo triệu chứng

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Có thể cháy ở nhiệt độ cao.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Những sản phẩm này là cacbon oxit (CO , CO_2), các hợp chất halogen.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Nguy cơ bùng nổ của sản phẩm trong sự hiện diện của tác động cơ học: Không có sẵn

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Sử dụng bột khô, phu nước, dương mù, bot,...

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: mặc đầy đủ quần áo bảo hộ và thiết bị thở bình hơi.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có): Không có thông tin

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- **Trần nhỏ:** Hấp thụ với một vật liệu trơ và đặt các vật liệu bị đổ trong một xử lý chất thải phù hợp.

- **Trần lớn:** Hấp thụ với một vật liệu trơ và đặt các vật liệu bị đổ trong một xử lý chất thải phù hợp. Hãy cẩn thận rằng sản phẩm này không phải trình bày ở mức độ trung bình mà phải thông qua chính quyền địa phương.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Thận trọng:

- Giữ bị khóa lê tránh xa sức nóng. Tránh xa các nguồn phát lửa.
- Đừng nuốt và không hít hơi khói.
- Xịt nước, mặc quần áo bảo hộ thích hợp trong điều kiện thiếu thông gió.
- Mang thiết bị hô hấp thích hợp.
- Nếu nuốt phải tìm kiếm chăm sóc y tế ngay lập tức.
- Tránh tiếp xúc với da và mắt.

2. Lưu trữ:

- Giữ container khô, giữ ở nơi mát mẻ. Mặt đất tất cả các thiết bị có chứa vật liệu.
- Gây ung thư, quái thai, đột biến.
- Vật liệu phải được lưu trữ an toàn trong tủ riêng hoặc phòng riêng.

III. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Cung cấp hệ thống thông hơi và kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ không khí của hơi dưới giá trị giới hạn ngưỡng. Đảm bảo rằng các trạm rửa mắt và tắm an toàn.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Mang kính Splash và mặt nạ.
- Bảo vệ thân thể: Áo khoát phòng thí nghiệm, quần áo bảo hộ có thể không đầy đủ..
- Bảo vệ tay: Mang găng tay
- Bảo vệ chân: mang giày bảo hộ

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Không có thông tin.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): bồn rửa mặt và vòi tắm

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): 86.7°C
Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): -887.1°C
Mùi đặc trưng: mùi đặc trưng.	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí: không có sẵn
Độ hòa tan: Hòa tan dễ dàng trong methanol, diethy ether, acetone, rất ít tan trong nước lạnh.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí: không có sẵn
Độ PH: Không có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn
Khối lượng riêng (kg/m^3): không có sẵn	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Sản phẩm ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không có thông tin
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Vô cùng ăn mòn trong sự hiện diện của nhôm, không ăn mòn trong sự hiện diện của thủy tinh.
- Các chất (có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Không có thông tin
- Phản ứng trùng hợp : Sẽ không xảy ra.



XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1 Trichloroethylene	LD50	2402 mg/kg	Đường miệng	Chuột
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				



1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): Không nghi ngờ cho con người

2. Các ảnh hưởng độc khác:

- **Tiếp dụng độc hại khác về con người:** Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích thích), nuốt phải và đường hô hấp
- **Tiếp xúc mãn tính:** Qua hàng rào nhau thai của người, phát hiện trong sữa người

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Trichloroethylene	KHÔNG CÓ THÔNG TIN		
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Không có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: Không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Có thể nguy hiểm sản phẩm suy thoái ngắn hạn là không có khả năng. Tuy nhiên sản phẩm thoái hóa dài hạn có thể xảy ra.
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- 1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp):** Không có thông tin
- 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** Không có thông tin
- 3. Biện pháp tiêu hủy:** Không có thông tin
- 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** Không có thông tin

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP	1710	Trichloroethylene	6.1	II		

<p>ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.</p>						
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA ...</p>						



XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**
- Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 05-09-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 02-01-2016

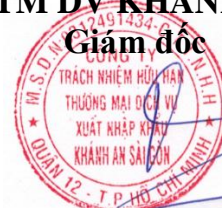
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN



Lê Hoàng Mi Sa